

KHUNG LÝ THUYẾT VỀ ESG ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Trịnh Thị Tuyết Dung¹, Trần Minh²

Tóm tắt: Phát triển bền vững (PTBV) là mục tiêu hướng đến của các quốc gia trên toàn thế giới nhằm đảm bảo cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và xã hội. Điều này yêu cầu sự chuyển đổi trong tất cả các lĩnh vực. Để thực hiện hóa các PTBV trong sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp thực hiện đánh giá ESG (Môi trường, Xã hội, và Quản trị). Bài viết này nhằm làm rõ những vấn đề lý thuyết liên quan đến việc thực hiện ESG vì mục tiêu PTBV của các doanh nghiệp. Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, bài viết đề xuất một khung lý thuyết tổng hợp về ESG bao gồm các nội dung cốt lõi của ESG, các lý thuyết nền tảng có liên quan và các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện. Khung này được đặt trong bối cảnh toàn cầu thực hiện mục tiêu PTBV và ESG, và bối cảnh doanh nghiệp tại Việt Nam. Từ đó, bài viết đưa ra một số khuyến nghị nhằm tạo điều kiện cho việc thực hiện ESG ở doanh nghiệp Việt Nam, hướng tới PTBV.

Từ khóa: Doanh nghiệp; ESG, Khung lý thuyết, Phát triển bền vững.

THEORETICAL FRAMEWORK OF ESG FOR SUSTAINABLE BUSINESS DEVELOPMENT IN VIETNAM

Abstract: Sustainable development (SD) is a global objective aimed at ensuring a balance between economic growth, environmental protection, and social well-being. Achieving this goal requires transformation across all sectors. To operationalize sustainability objectives in business activities, enterprises adopt ESG assessments (Environmental, Social, and Governance). The paper aims to clarify theoretical issues related to implementing ESG for the purpose of achieving sustainable development in enterprises. Based on a review of existing literature, the paper proposes an integrated theoretical framework for ESG, encompassing its core components, relevant foundational theories, and groups of factors influencing implementation. This framework is positioned within both the global context of pursuing sustainability and ESG goals, and the specific business context of Vietnam. Accordingly, the paper offers several recommendations to facilitate ESG implementation in Vietnamese enterprises toward sustainable development.

Keywords: Enterprises; ESG; Theoretical framework; Sustainable development.

Nộp bản thảo: 13/7/2025

Chấp nhận đăng: 15/9/2025

1. Đặt vấn đề

Phát triển bền vững là xu thế tất yếu, thế giới đã và đang có nhiều nỗ lực để đạt các mục tiêu PTBV (SDGs). Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, ESG thu hút sự quan tâm của các bên liên

¹ TS., Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững, email liên hệ: tuyetdung.ihs@gmail.com.

² ThS., Viện Địa lý nhân văn và Phát triển bền vững.

quan như một khuôn khổ quản trị tất yếu để đạt được các giá trị môi trường và xã hội trong PTBV. Do vậy, có nhiều nghiên cứu tập trung vào mối liên hệ giữa ESG và PTBV, chính sách khí hậu, chính trị; đồng thời phân tích tác động của ESG đến điểm cổ phiếu (Ha và cộng sự, 2024), lao động bền vững, tính minh bạch, và vai trò của đổi mới công nghệ trong nâng cao hiệu quả ESG tại doanh nghiệp sản xuất.

Tại Việt Nam, việc thực thi ESG cũng ngày càng trở nên cấp bách hơn khi Thủ tướng Chính phủ đã thông qua Chiến lược quốc gia về BĐKH giai đoạn đến năm 2050 theo Quyết định số 896/QĐ-TTG ngày 26 tháng 7 năm 2022. Mục tiêu cụ thể của Chiến lược là giảm phát thải khí nhà kính (KNK) trong các ngành kinh tế và trong các lĩnh vực từ sản xuất đến tiêu dùng. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp cần phải chuyển đổi và thực hiện các mô hình sản xuất, kinh doanh bền vững, giúp thực hiện mục tiêu giảm phát thải ô nhiễm môi trường và các trách nhiệm xã hội đối với lao động và cộng đồng. Nhiều nghiên cứu hiện có đã tập trung vào các vấn đề chung của bộ tiêu chuẩn ESG (Nguyễn Thị Phương Mai & Nguyễn Ngọc Huyền, 2023; Phùng Thị Thủy, 2022); đánh giá về việc thực thi PTBV trong các ngân hàng và công bố báo cáo ESG (Hà Thị Thiều Dao và cộng sự, 2024); phân tích hiện trạng triển khai ESG tại các ngân hàng thương mại (Đào Lê Kiều Anh & Cao Thị Kiều Anh, 2024); rào cản ảnh hưởng đến thực hiện ESG trong ngành logistic (Phan và cộng sự, 2025).

Các nghiên cứu nêu trên đã cho thấy khái niệm và nội hàm của ESG, mối quan hệ giữa ESG và PTBV, vai trò và lợi ích của doanh nghiệp trong việc thực hiện ESG. Chúng cũng cho thấy một số vấn đề trong việc đánh giá thực hiện ESG và việc so sánh giữa các doanh nghiệp. Tuy nhiên cần làm rõ hơn lý thuyết có liên quan và có khung phân tích cho việc thực hiện ESG tại doanh nghiệp cũng như nhân tố ảnh hưởng cho việc thực hiện ESG tại doanh nghiệp Việt Nam. Việc thực hiện ESG trong doanh nghiệp để PTBV không chỉ giải thích được bằng lý thuyết về PTBV, mà còn được giải thích bởi một số các lý thuyết khác có liên quan. Bài viết này sẽ phân tích về việc thực hiện ESG của doanh nghiệp từ các tiếp cận các lý thuyết có liên quan; trên cơ sở đó, đưa ra một khung lý thuyết về việc thực hiện ESG cho doanh nghiệp phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

2. Lý thuyết nền tảng của ESG

Về mặt lý luận, nhiều lý thuyết đã được sử dụng trong các tài liệu học thuật để giải thích mối quan hệ giữa ESG (trước đó là Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp - CSR) và hiệu suất kinh tế của doanh nghiệp cũng như việc thực hiện PTBV của doanh nghiệp. Các lý thuyết này không chỉ giải thích mối tương quan giữa các đối tượng mà còn thể hiện tổng thể các vấn đề có liên quan trong việc thực hiện ESG tại doanh nghiệp cũng như việc công bố thực hiện ESG và những tác động của môi trường đến sự phát triển của doanh nghiệp.

Lý thuyết các bên liên quan

Lý thuyết các bên liên quan (Stakeholder Theory) khẳng định rằng doanh nghiệp có trách nhiệm không chỉ với cổ đông mà với tất cả các bên có lợi ích liên quan (Freeman, 1984; Evan & Freeman, 1988). Tiếp sau đó, Dathe và cộng sự (2024) mở rộng lý thuyết này trong bối cảnh ESG, cho rằng các hoạt động ESG tích cực giúp doanh nghiệp xây dựng và duy trì mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh và giá trị dài hạn. Trong khung ESG, lý thuyết này giải thích tại sao doanh nghiệp cần quan tâm đến các yếu tố môi trường (ảnh hưởng đến cộng đồng và thế hệ tương lai), xã hội (quan hệ với nhân viên, khách hàng, cộng đồng) và quản trị

(minh bạch với nhà đầu tư và cơ quan quản lý).

Lý thuyết thể chế

Lý thuyết thể chế (Institutional Theory) giải thích cách các áp lực từ môi trường thể chế ảnh hưởng đến hành vi tổ chức. Kandpal và cộng sự (2024) phân loại ba loại áp lực thể chế tác động đến việc áp dụng ESG. Một là áp lực cưỡng chế xuất phát từ các quy định pháp luật, tiêu chuẩn bắt buộc và yêu cầu từ cơ quan quản lý. Điều này giải thích tại sao nhiều doanh nghiệp bắt đầu quan tâm đến ESG khi có các quy định về báo cáo bền vững. Hai là áp lực chuẩn mực bắt nguồn từ các kỳ vọng xã hội, văn hóa doanh nghiệp và chuẩn mực nghề nghiệp. Sự gia tăng nhận thức của người tiêu dùng về tính bền vững cũng tạo ra áp lực chuẩn mực mạnh mẽ. Ba là áp lực bắt chước phát sinh khi doanh nghiệp học hỏi và sao chép các thực tiễn ESG từ những công ty thành công khác trong ngành hoặc khu vực.

Quan điểm dựa trên nguồn lực

Theo quan điểm dựa trên nguồn lực (Resource-Based view), các hoạt động ESG có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh bền vững thông qua việc phát triển các năng lực và tài sản vô hình. Khan (2022) chỉ ra rằng đầu tư vào ESG giúp doanh nghiệp xây dựng được các nhóm năng lực khác nhau, bao gồm quản lý môi trường, xã hội và quản trị. Nâng cao năng lực quản lý môi trường giúp giảm chi phí, tăng hiệu quả và tạo ra các sản phẩm/dịch vụ thân thiện môi trường. Trong khi đó, năng lực xã hội được hình thành thông qua việc phát triển vốn nhân lực chất lượng cao, mối quan hệ tốt với cộng đồng và danh tiếng thương hiệu mạnh. Cuối cùng, năng lực quản trị có được thông qua hệ thống quản lý rủi ro hiệu quả, tính minh bạch cao và khả năng ra quyết định tốt.

Lý thuyết quản lý tốt

Lý thuyết quản lý tốt (good management theory) khẳng định rằng ESG là biểu hiện của quản lý tốt, do đó các doanh nghiệp có hiệu suất ESG cao thường có hiệu suất tài chính tốt hơn. Dathe và cộng sự (2024) đã mở rộng lý thuyết này với ba khía cạnh về quản lý chiến lược, quản lý hoạt động và quản lý rủi ro. Trong đó quản lý chiến lược giúp tích hợp ESG vào tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược dài hạn của doanh nghiệp. Quản lý hoạt động giúp áp dụng các nguyên tắc ESG vào quy trình sản xuất, kinh doanh hàng ngày. Quản lý rủi ro sử dụng ESG như công cụ nhận diện, đánh giá và giảm thiểu các rủi ro phi tài chính.

Lý thuyết tín hiệu

Lý thuyết tín hiệu (signaling theory) của Spence (1973) giải thích cách các hoạt động và báo cáo ESG là công cụ giúp doanh nghiệp truyền tải thông tin tích cực đến thị trường và các bên liên quan. Việc công bố thông tin về việc thực hiện ESG giúp doanh nghiệp có được đánh giá tích cực từ các bên liên quan khác nhất là nhà đầu tư. Ở một mức độ cao hơn, thông tin ESG minh bạch giúp giảm bất cân xứng thông tin, từ đó cải thiện khả năng tiếp cận yếu tố của thị trường như vốn và giảm chi phí tài chính tương ứng.

3. Khái niệm và nội hàm của ESG

Khái niệm ESG (Environmental - Social - Governance) được hình thành và phát triển từ nền tảng của trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) và mô hình “triple bottom line”, con người - hành tinh và lợi nhuận (People - Planet - Profit), được Elkington giới thiệu từ những năm 1990 và

được xuất bản chính thức sau đó (Elkington, 2004). Nội dung này đã được khái quát trên toàn thế giới, tạo tiền đề cho việc tích hợp các yếu tố phi tài chính vào quyết định đầu tư. Nhiều tổ chức khuyến khích lồng ghép các yếu tố bền vững vào chiến lược kinh doanh. Tuy nhiên, chưa hình thành một khung kết hợp giữa E-S-G. Cho đến năm 2004, nhóm nghiên cứu của UN đã thúc đẩy nghiên cứu nhận thức về tính bền vững của các trụ cột CSR. Sau đó các tiêu chí ESG được giới thiệu chính thức trong báo cáo “Who Cares Wins” (United Nations Global Compact, 2004) và các bản cập nhật sau đó (Knoepfel & Gordon, 2009; Freshfields Bruckhaus Deringer, 2005).

HÌNH 1. CỘT MỐC PHÁT TRIỂN CỦA ESG VÀ CÁC SÁNG KIẾN BỀN VỮNG TOÀN CẦU



Nguồn: Tác giả tổng hợp.

ESG là viết tắt của tiêu chuẩn về môi trường (E - Environment), xã hội (S - Social), và quản trị (G - Governance). ESG bao gồm các khuôn khổ các vấn đề phản ánh tác động môi trường, trách nhiệm xã hội và hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Những yếu tố này cùng nhau ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính, khả năng cạnh tranh và đóng góp của doanh nghiệp vào sự PTBV.

ESG liên quan trực tiếp đến việc thực hiện mục tiêu PTBV trong doanh nghiệp và việc thực hiện báo cáo theo tiêu chuẩn Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu GRI (Global Reporting Initiative) của doanh nghiệp. Tuy nhiên GRI đã trở thành bộ tiêu chuẩn mang tính hướng dẫn có quy mô rộng trong việc thực hiện các khía cạnh E, S, G trong doanh nghiệp. ESG hiện như là bộ khung hướng dẫn, có tính định hướng và việc thực hiện có thể linh động tùy theo các mục đích hoặc lĩnh vực khác nhau.

Như vậy, tiêu chuẩn ESG là một bộ khung đánh giá được sử dụng để đo lường hiệu quả hoạt động của một tổ chức (thường là doanh nghiệp) dựa trên ba trụ cột chính: môi trường, xã hội và quản trị. ESG không phải là một bộ tiêu chuẩn cố định duy nhất như GRI, mà là một khái niệm tổng quát, được áp dụng linh hoạt thông qua các khung tiêu chuẩn “mềm” cụ thể như Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu GRI, Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững (Sustainability Accounting Standards Board- SASB), nhóm công tác về công khai tài chính liên quan đến khí hậu (Task Force on Climate-related Financial Disclosures - TCFD) hoặc quy định pháp lý “cứng” như Chỉ thị báo cáo PTBV của doanh nghiệp (Corporate Sustainability Reporting Directive - CSRD) do Liên minh Châu Âu (EU) yêu cầu, phù hợp với các mục đích khác nhau.

BẢNG 1. SO SÁNH NHANH BA TIÊU CHUẨN BÁO CÁO “MÈM” PHỔ BIẾN

Đặc điểm	Tiêu chuẩn báo cáo GRI	Tiêu chuẩn báo cáo SASB	Tiêu chuẩn báo cáo TCFD
Đối tượng chính	Tất cả các bên liên quan (nhân viên, khách hàng, cộng đồng, nhà đầu tư, v.v.)	Nhà đầu tư và thị trường vốn	Nhà đầu tư, bên cho vay, công ty bảo hiểm
Phạm vi báo cáo	Toàn diện về các vấn đề ESG	Các vấn đề ESG có ảnh hưởng trọng yếu về mặt tài chính, theo từng ngành cụ thể	Chủ yếu tập trung vào các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu
Nguyên tắc trọng yếu	Trọng yếu kép: Tác động của vấn đề bền vững đến công ty và tác động của công ty đến xã hội, môi trường.	Trọng yếu tài chính: Chỉ những vấn đề bền vững có khả năng ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của công ty.	Trọng yếu tài chính: Các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu có thể ảnh hưởng đến tài chính công ty.
Hướng tiếp cận	Báo cáo về các tác động ra bên ngoài của công ty.	Báo cáo về các tác động tài chính từ bên ngoài vào công ty.	Phân tích kịch bản và báo cáo về khả năng chống chịu trước các rủi ro khí hậu trong tương lai.

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Mặc dù cả ba đều là các khuôn khổ báo cáo ESG quan trọng, GRI có phạm vi rộng nhất và hướng tới tất cả các bên liên quan, trong khi SASB tập trung vào các vấn đề trọng yếu tài chính theo từng ngành cho nhà đầu tư, và TCFD chuyên sâu về các rủi ro và cơ hội tài chính liên quan đến khí hậu. Các nguồn tài liệu cho thấy rằng các khuôn khổ này có thể bổ sung cho nhau thay vì loại trừ lẫn nhau.

Đầu tư ESG là một cách tiếp cận nhằm lồng ghép các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị vào các quyết định về rủi ro và phân bổ tài sản, để tăng cường lợi nhuận tài chính bền vững và dài hạn nhằm mục tiêu định giá, mua, bán doanh nghiệp trong bối cảnh quản lý rủi ro về môi trường OECD (2022).

4. Các thành phần cốt lõi của ESG

E – Môi trường

E trong ESG được xác định là các vấn đề về môi trường, cũng là một trụ cột của PTBV. Tại báo cáo của United Nations Global Compact (2004), nội dung của E được xác định gồm 5 vấn đề: i) BĐKH và các rủi ro liên quan; ii) Giảm phát thải chất độc và chất thải; iii) Quy định mới mở rộng phạm vi trách nhiệm môi trường đối với các sản phẩm và dịch vụ; iv) Áp lực gia tăng từ xã hội để cải thiện hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình, dẫn đến rủi ro mất uy tín nếu không được quản lý đúng cách; và v) Thị trường mới nổi cho các dịch vụ môi trường và sản phẩm thân

thiện với môi trường. Tuy nhiên, cách xác định 5 vấn đề như trên trong báo cáo của UN chưa mang tính thống nhất, do chưa đề cập rõ đến các vấn đề của môi trường trong chiều cạnh E, mà vẫn còn bao hàm các nội dung của chiều cạnh S. Vì thế nội dung “Áp lực gia tăng từ xã hội để cải thiện hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình, dẫn đến rủi ro mất uy tín nếu không được quản lý đúng cách” được đề cập cả trong chiều cạnh E và S của ESG. Hiện nay chiều cạnh E được xác định với các vấn đề rõ ràng, ngắn gọn và nổi bật hơn gắn với các mục tiêu PTBV. Cụ thể: giảm phát thải khí nhà kính; rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu; ô nhiễm và chất thải; sử dụng năng lượng và tài nguyên; sinh thái và đa dạng sinh học; tái chế và kinh tế tuần hoàn.

S – Xã hội

Chiều cạnh xã hội trong ESG cũng là một trụ cột trong PTBV. Các chiều cạnh xã hội được xem xét trong ESG bao gồm các nội dung: i) Sức khỏe và an toàn nơi làm việc; ii) Quan hệ cộng đồng; iii) Các vấn đề quyền con người ở nơi làm việc và các cơ sở cung cấp, xây dựng; iv) Quan hệ chính phủ và cộng đồng trong việc quản lý tại các nước đang phát triển; và v) Áp lực gia tăng từ xã hội để cải thiện hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình, dẫn đến rủi ro mất uy tín nếu không được quản lý đúng cách (United Nations Global Compact, 2004). từ một cách đơn giản hơn, khía cạnh xã hội được Cunha và cộng sự (2025) cho rằng bốn loại: lực lượng lao động, trách nhiệm sản phẩm, nhân quyền và cộng đồng.

G – Quản trị

Quản trị là một chiều cạnh khác so với các trụ cột của PTBV. Trong doanh nghiệp, quản trị được xem là cơ chế vận hành nội bộ của doanh nghiệp. Các vấn đề quản trị doanh nghiệp gồm 5 nội dung: i) Cấu trúc và trách nhiệm của hội đồng quản trị; ii) Hoạt động kế toán và công bố thông tin; iii) Cấu trúc của Ủy ban Kiểm toán và sự độc lập của các kiểm toán viên; iv) Tiền lương của ban điều hành; v) Quản lý các vấn đề tham nhũng và hối lộ (United Nations, 2004).

5. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện ESG tại các doanh nghiệp

Có một số nhóm yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện ESG tại các doanh nghiệp, bao gồm: yếu tố xã hội, yếu tố về thể chế, yếu tố nội tại doanh nghiệp (tổ chức) và yếu tố thị trường. Mỗi nhóm yếu tố này vừa có thể tạo ra động lực thúc đẩy nhưng cũng tạo ra các rào cản khiến doanh nghiệp chậm trễ trong việc thực hiện ESG vì mục tiêu PTBV.

5.1 Yếu tố xã hội

Yếu tố xã hội như chuẩn mực xã hội, lối sống xanh, các đặc điểm văn hoá vùng miền cũng như các đặc điểm của nhân khẩu học cũng có ảnh hưởng nhất định đến việc thực hiện ESG của doanh nghiệp, nhất là mối quan tâm đến vấn đề môi trường của người dân. Ví dụ ở các công ty xử lý chất thải rắn, sự chú ý của công chúng nâng cao hiệu quả ESG của doanh nghiệp (Shuai và cộng sự, 2025).

5.2. Yếu tố thị trường

Yếu tố thị trường như nhu cầu thị trường, của chuỗi cung ứng, xu hướng chuyển đổi xanh và công bố ESG đóng vai trò như động lực thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện PTBV. Trong mỗi một thị trường khác nhau, các tiêu chuẩn đầu vào cũng khác nhau do đó yêu cầu doanh nghiệp cần thực hiện tiêu chuẩn cao hơn nếu muốn tiếp cận thị trường tiêu chuẩn cao. Ví dụ, các doanh nghiệp xuất

khẩu sang EU cần tuân thủ các yêu cầu nghiêm ngặt vào thị trường.

Ngoài ra, nhìn từ góc độ của bên liên quan thì yếu tố thị trường thể hiện sức ép từ nhà đầu tư, nhu cầu của người tiêu dùng, nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng. Các nhà đầu tư và quỹ đầu tư xanh, yêu cầu tính minh bạch cao khiến doanh nghiệp cần phải thực hiện ESG để thu hút được nguồn vốn đầu tư. Xu hướng tiêu dùng xanh, tiêu dùng bền vững của người tiêu dùng nếu đủ mạnh cũng tạo nên những động lực thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện ESG.

5.3. Yếu tố thể chế

Chính sách toàn cầu và khu vực về các vấn đề môi trường và BDKH, phát thải KNK có tác động 2 chiều đến vấn đề thực hiện ESG. Một mặt, các quy định về môi trường, giảm phát thải KNK tạo động lực thúc đẩy cho việc PTBV và triển khai PTBV tại doanh nghiệp. Mặt khác, sự thiếu ổn định và nhất quán trong các chính sách này cũng ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện ESG và hiệu quả ESG trong doanh nghiệp. Nghiên cứu dữ liệu bảng từ các doanh nghiệp niêm yết cổ phiếu A của Trung Quốc từ năm 2009 đến năm 2022 cho thấy sự bất ổn gia tăng trong chính sách khí hậu làm suy yếu đáng kể hiệu suất ESG của doanh nghiệp bằng cách tăng rủi ro hoạt động và làm phức tạp việc phân bổ nguồn lực (Ge & Zhang, 2025). Do đó, các doanh nghiệp cần có chiến lược phát triển nhất quán, tăng tính linh hoạt và thích nghi trong môi trường biến động để tạo giá trị cốt lõi của doanh nghiệp.

Ngoài ra, tính chuẩn mực và thống nhất của việc công bố thông tin cũng ảnh hưởng tới báo cáo ESG của doanh nghiệp. Trên thực tế thước đo ESG vốn là sự hợp nhất của các chỉ số môi trường, xã hội và quản lý trong doanh nghiệp gồm nhiều các khía cạnh và chưa được thống nhất về phương pháp tính (Matos, 2020). Do đó, có nhiều hệ thống và cách thức đánh giá, phương pháp tính điểm ESG khác nhau phụ thuộc vào ưu tiên của doanh nghiệp theo đặc thù ngành. Vì vậy, cần thiết xây dựng hệ tiêu chuẩn đánh giá ESG phù hợp theo từng ngành và quy mô doanh nghiệp để đảm bảo tính công bằng và thực tiễn. Báo cáo ESG tiềm ẩn xung đột lợi ích do sử dụng nhiều dữ liệu ước tính thay vì dữ liệu giám sát, làm giảm tính xác thực (Hill, 2020). Việc đánh giá ESG của các nhà cung cấp dữ liệu cũng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như: i) Quy mô doanh nghiệp: doanh nghiệp lớn thường đạt điểm cao hơn nhờ nguồn lực chuẩn bị tốt; ii) Yếu tố địa lý: doanh nghiệp tại khu vực trọng điểm thường chú trọng ESG hơn; iii) Ưu tiên ngành: xếp hạng theo ngành có thể đơn giản hóa quá mức các chỉ số; và iv) Độ trễ của dữ liệu: xếp hạng ESG có thể không phản ánh đúng nỗ lực PTBV hiện tại (Matos, 2020). Ngay cả khi có chỉ số cụ thể, chất lượng báo cáo tự công bố vẫn là vấn đề, do nguy cơ “tẩy xanh” (greenwashing), làm suy giảm độ tin cậy và ảnh hưởng đến vị trí doanh nghiệp trong lộ trình PTBV.

5.4. Yếu tố nội bộ doanh nghiệp (tổ chức)

Mức độ sẵn sàng tham gia của doanh nghiệp đối với việc thực hiện báo cáo ESG vì mục tiêu PTBV trước những thể chế chính sách và cam kết toàn cầu phụ thuộc vào chiến lược phát triển và các đặc điểm của tổ chức. Từ đó các doanh nghiệp có thể có phản ứng khác nhau đối với việc thực hiện tiêu chí ESG như: i) thụ động tuân thủ; ii) chủ động tuân thủ; iii) thụ động phản kháng; iv) và chủ động phản kháng (Clementino & Perkins, 2021). Những phản ứng này xuất phát từ các yếu tố nội tại của doanh nghiệp bao gồm: nhận thức và mức độ ưu tiên cấp quản lý về lợi nhuận trực tiếp hoặc khả năng nâng cao tầm ảnh hưởng doanh nghiệp đạt được từ việc có điểm ESG cao, và sự liên kết của ESG với các mục tiêu và chiến lược rộng lớn hơn của doanh nghiệp (Clementino &

Perkins, 2021). Ngoài ra là các đặc điểm của bản thân doanh nghiệp bao gồm yếu tố về quy mô doanh nghiệp, năng lực tài chính, trình độ nguồn nhân lực, công nghệ và kỹ thuật cũng góp phần định hình mức độ sẵn sàng triển khai ESG, nhất là trong bối cảnh chính sách chung mang tính khuyến khích hơn là bắt buộc.

5.5. Lợi ích của việc thực hiện ESG trong doanh nghiệp

Doanh nghiệp thực hiện ESG sẽ mang lại giá trị nhất định liên quan đến việc nâng cao hiệu suất, tăng lợi thế cạnh tranh, tăng cường lợi ích đạt được của các bên liên quan cũng như đóng góp cho mục tiêu PTBV.

i) Thực hiện ESG mang lại giá trị cho doanh nghiệp và ảnh hưởng tích cực đến hiệu suất ESG của doanh nghiệp cũng như các cấu phần của hiệu suất doanh nghiệp bao gồm lợi nhuận doanh nghiệp (Aydoğmuş và cộng sự, 2022), giá trị cổ phiếu (Anselmi & Petrella, 2022). Khi xem từ góc độ điểm xếp hạng ESG cho thấy khi chỉ số này tăng cao đồng nghĩa với việc các rủi ro về E, S, G của doanh nghiệp thấp, lợi nhuận gia tăng. Tuy nhiên nếu phân tích kỹ theo giai đoạn thì không phải lúc nào hay chỉ số trên cũng có mối quan hệ thuận chiều. Trước hết giá trị doanh nghiệp ban đầu tăng theo xếp hạng ESG lên đến ngưỡng nào đó, sau đó giảm khi các doanh nghiệp phải đối mặt với chi phí tăng và lợi nhuận giảm, trước khi tăng trở lại khi xếp hạng ESG vượt quá ngưỡng thứ hai (Chau và cộng sự, 2025). Tùy theo đặc điểm khác nhau mà đôi khi giai đoạn đầu hiệu suất tài chính của doanh nghiệp tỷ lệ nghịch với chỉ số hiệu suất ESG (da Cunha và cộng sự, 2025). Điều này có liên quan đến chi phí cho quá trình chuyển đổi, thiết lập và thực hiện ESG.

ii) Thông qua việc thực hiện ESG và công bố báo cáo ESG, doanh nghiệp có lợi thế so sánh tốt hơn so với doanh nghiệp khác, tạo dựng được thương hiệu và uy tín trên thị trường. Nhờ đó, doanh nghiệp có cơ hội mở rộng thị trường thu hút nguồn vốn đầu tư xanh và bền vững. Theo Hill (2020) doanh nghiệp có chỉ số ESG tích cực sẽ thuận lợi hơn trong thu hút vốn đầu tư từ các quỹ do việc đầu tư vào các doanh nghiệp này mang lợi tức đầu tư tốt hơn.

iii) Một công ty kinh doanh tốt thể hiện qua lợi ích đạt được, trách nhiệm xã hội và môi trường sẽ mang lại lợi ích cho các bên liên quan trong chuỗi giá trị của sản phẩm và thị trường nói chung. Cụ thể, thúc đẩy việc áp dụng ESG trong toàn bộ chuỗi giá trị đầu tư có thể khuyến khích tư nhân tham gia nhiều hơn vào PTBV, dẫn đến tác động lớn hơn (Eurosif, 2018), tạo lợi ích của tất cả các tác nhân trong thị trường (United Nations, 2004).

iv) Việc thực hiện ESG thể hiện thêm 2 góc độ còn lại của PTBV gồm xã hội và môi trường, thể hiện đóng góp của doanh nghiệp trong mục tiêu chung về PTBV. Không chỉ thế, thông qua chiều cạnh quản trị, tăng tính minh bạch của doanh nghiệp cũng đóng góp cho việc tăng tính minh bạch của nền kinh tế, hỗ trợ tốt hơn cho quá trình dự báo phát triển kinh tế xã hội và xây dựng báo cáo đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) phù hợp với mục tiêu phát thải ròng về 0.

6. Khung ESG cho phát triển bền vững doanh nghiệp

Dựa trên việc tổng hợp các vấn đề mang tính nền tảng nêu trên, bài viết đề xuất một khung lý thuyết ESG gồm ba tầng chính (**Error! Reference source not found.**). Thứ nhất, tầng cốt lõi bao gồm ba thành phần Môi trường, Xã hội, Quản trị với các tương tác qua lại giữa chúng. Thứ hai, tầng yếu tố tác động gồm bốn nhóm yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện ESG là thể chế, tổ chức, thị trường và xã hội. Thứ ba là tầng kết quả thể hiện các kết quả và tác động của ESG đối với hiệu

suất doanh nghiệp và mục tiêu PTBV, lợi thế cạnh tranh và giá trị cho các bên liên quan trong chuỗi sản xuất.

HÌNH 1. KHUNG LÝ THUYẾT ESG TÍCH HỢP CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM



Nguồn: Tác giả tổng hợp xây dựng

Bối cảnh phát triển bền vững

Tiếp cận PTBV của thế giới là nền tảng và cơ sở cho thúc đẩy việc thực hiện các hành động cụ thể trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này đã được cụ thể hóa trong 17 mục tiêu PTBV, cụ thể trong SDG12 về sản xuất tiêu dùng bền vững. Quan sát từ góc độ rộng hơn các khía cạnh E, S, G đã bao hàm 15/17 mục tiêu SDG.

Đặc điểm của việc thực hiện ESG tại doanh nghiệp ở Việt Nam

Khi bổ sung thêm các yếu tố đặc thù của Việt Nam, khung lý thuyết ESG cần được điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh trong nước. Trong thành phần thể chế, cần nhấn mạnh vai trò quan trọng của Chính phủ và Đảng trong việc định hướng chính sách, đặc điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam.

Cụ thể, Việt Nam là một nền kinh tế đang phát triển, với tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức từ BĐKH và áp lực hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh này, ESG ngày càng được chú trọng như một công cụ thúc đẩy PTBV cho doanh nghiệp giảm phát thải KNK vì

mục tiêu phát thải ròng về 0 và PTBV. Liên quan đến việc thực hiện ESG tại Việt Nam có một số đặc điểm sau:

Một là, về chính sách, ESG là định hướng PTBV cho doanh nghiệp. Khung pháp lý về ESG tại Việt Nam ngày càng được hoàn thiện và đồng bộ, phản ánh sự hội nhập ngày càng sâu theo xu hướng toàn cầu về PTBV và trách nhiệm xã hội (Nguyễn Đức Anh, 2025). Nhà nước đã có chính sách chung nhằm khuyến khích việc thực hiện các khía cạnh của PTBV trong doanh nghiệp, có chính sách bắt buộc kiểm kê KNK đối với một số lĩnh vực và có lộ trình tiến đến chính sách bắt buộc cho đến 2050 tạo nền tảng cho việc xây dựng báo cáo ESG. Định hướng thực hiện ESG được thể hiện trong các văn bản nhằm khuyến khích thực hiện các báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu PTBV như trong Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14/07/2023 về Lộ trình thực hiện các mục tiêu PTBV Việt Nam đến năm 2030. Từ năm 2024, Chính phủ áp đặt bắt buộc thực hiện kiểm kê KNK cho các doanh nghiệp thuộc 6 nhóm: năng lượng, giao thông vận tải, quá trình công nghiệp, nông lâm nghiệp và sử dụng đất, chất thải theo Quyết định số 13/QĐ/2024/QĐ-TTg ngày 13/08/2024. Đây được xem như cơ sở pháp lý bước đầu bắt buộc cho việc thực hiện báo cáo ESG.

Trước đó, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 được sửa đổi bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 yêu cầu các doanh nghiệp niêm yết công bố thông tin doanh nghiệp và tính minh bạch của báo cáo. Trong đó có nội dung yêu cầu bắt buộc về vấn đề quản trị - một khía cạnh của báo cáo ESG. Mặc dù chưa được quy định chính thức nhưng Ủy ban Chứng khoán nhà nước khuyến khích doanh nghiệp thực hiện báo cáo ESG thể hiện qua các hoạt động phối hợp với Tổ chức tài chính quốc tế (IFC) nhằm hướng dẫn thực hiện báo cáo PTBV hay xây dựng Sổ tay Hướng dẫn Báo cáo Phát thải KNK. Đây là tiền đề quan trọng cho lộ trình bắt buộc thực hiện báo cáo ESG khi niêm yết trên thị trường.

Hai là, Việt Nam đang hoàn thiện công cụ đánh giá và hướng dẫn xây dựng báo cáo ESG phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa, loại hình chiếm đa số tại Việt Nam (Khánh Linh, 2025). Trong khi đó các công cụ của các tổ chức quốc tế hầu hết áp dụng cho các tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp lớn (chỉ chiếm 3-5% tổng số doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam). Hiện tại có một số bộ hướng dẫn đã được các bên liên quan đưa ra bao gồm: Sổ tay hướng dẫn công cụ đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững của doanh nghiệp theo khung Môi trường - Xã hội - Quản trị (USAID và cộng sự, 2023); Bộ công cụ đánh giá hiệu quả hoạt động PTBV (ESG) của các doanh nghiệp niêm yết VNSI của HOSE từ năm 2017; Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững 2022 của Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) và Hội đồng doanh nghiệp vì sự PTBV (2022) (USAID và cộng sự, 2023). Mới nhất có bộ sổ tay hướng dẫn công bố thông tin ESG (SSC & UK PACT, 2024) không chỉ dành cho các doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán mà có cả phần hướng dẫn phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam. Theo đó, các chỉ tiêu ESG được đơn giản hóa để phù hợp với đặc điểm về quy mô và năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa. Do đó, việc xây dựng các tiêu chí đánh giá, bộ công cụ hướng dẫn là cần thiết cho việc xây dựng báo cáo EGS một cách thống nhất. Hơn nữa, báo cáo ESG cần được cá biệt hóa theo từng ngành và lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế.

Ba là, việc thực hiện báo cáo ESG phổ biến tại các công ty đa quốc gia, và các tập đoàn lớn. Các doanh nghiệp thuộc các tập đoàn đa quốc gia như Samsung, Pepsico thực hiện theo chiến lược chung của tập đoàn và phụ thuộc vào chính sách tại quốc gia sở tại. Trong khi đó, ESG vẫn là một

khái niệm mới đối với các doanh nghiệp trong nước. Trong 1.019 doanh nghiệp tham gia khảo sát, có đến 39% chưa từng nghe nói đến ESG và 62% hiện chưa nắm rõ các quy định và chính sách của (USAID và cộng sự, 2025). Chỉ có 5% đã có kế hoạch và đang thực hành ESG tại doanh nghiệp và 3% đã có chiến lược và cam kết thực hiện nhưng chưa có kế hoạch triển khai cụ thể; 7% đang xây dựng chiến lược thực hành ESG. Tóm lại, có hơn 80% doanh nghiệp được khảo sát chưa có thông tin hoặc đang tìm hiểu thông tin về ESG (USAID và cộng sự, 2025). Khoảng trống lớn trong nhận thức của doanh nghiệp dẫn đến những chậm trễ trong chiến lược của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi xanh, giảm phát thải và PTBV.

Mặc dù có nhiều thuận lợi cho việc thực hiện ESG tại các doanh nghiệp nhưng hiện tồn tại nhiều thách thức khiến cho việc thực hiện ESG chưa được phổ biến. Bên cạnh các khía cạnh nêu trên, hiện các doanh nghiệp còn thiếu các nguồn lực cho việc thực hiện như tài chính, kinh nghiệm và kỹ năng, dữ liệu và chuyên môn (Phùng Thị Thủy, 2022; SSC & UK PACT, 2024). Điều này khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều trở ngại trong phát triển bền vững tại doanh nghiệp.

6. Kết luận và khuyến nghị

ESG là là khung tiêu chuẩn trong việc PTBV ở các doanh nghiệp. Đây là nội dung trọng tâm được tích hợp vào chiến lược phát triển của doanh nghiệp nhằm PTBV, không những thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, mà còn là xu hướng tất yếu cho các doanh nghiệp trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

ESG gồm ba khía cạnh: Môi trường (E), Xã hội (S) và Quản trị (G), ngày càng được nhận diện rõ hơn theo thời gian. Khung ESG tích hợp gồm 3 tầng cốt lõi (thành phần ESG, yếu tố tác động, và kết quả cũng như tác động của ESG đối với hiệu suất doanh nghiệp và mục tiêu PTBV) đã cung cấp góc nhìn tổng thể và linh hoạt hơn so với các tiếp cận phân mảnh trước đây. Việc điều chỉnh khung lý thuyết theo bối cảnh Việt Nam giúp nâng cao tính ứng dụng và phù hợp với thực tiễn.

Về mặt thực tiễn, để tạo thuận lợi cho việc thực hiện PTBV doanh nghiệp nói chung và tăng tỷ lệ triển khai ESG trong doanh nghiệp nói riêng cần phải có những biện pháp thiết thực hơn nữa.

Một là, xây dựng lộ trình chuyển từ cơ chế khuyến khích thực hiện báo cáo ESG sang cơ chế bắt buộc thực hiện ESG trong doanh nghiệp phù hợp với bối cảnh chung về thực hiện các mục tiêu PTBV, cắt giảm KNK. Bên cạnh đó, hoàn thiện khung hướng dẫn thực hiện và báo cáo ESG phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp ở Việt Nam.

Hai là, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh bền vững và tiếp cận thị trường toàn cầu; đồng thời tạo cơ chế cung cấp gói tài chính xanh và các quỹ đầu tư khi thực hiện ESG đối với doanh nghiệp. Đây là cơ sở để doanh nghiệp chuyển đổi và thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh bền vững.

Cuối cùng nhưng cũng rất quan trọng, doanh nghiệp cần chủ động nâng cao năng lực nội tại, bao gồm nguồn nhân lực, năng lực quản trị, khả năng tài chính. Để khắc phục điều này các doanh nghiệp có thể liên kết với các doanh nghiệp tư vấn thực hiện ESG để từng bước hoàn thiện năng lực nội tại của mình.

Tài liệu tham khảo

1. Anselmi, G., & Petrella, G. (2022). *ESG Ratings: Disagreement across Providers and Effects on Stock Returns* (SSRN Scholarly Paper No. 4328468). Social Science Research Network. <https://doi.org/10.2139/ssrn.4328468>
2. Aydoğmuş, M., Gülay, G., & Ergun, K. (2022). Impact of ESG performance on firm value and profitability. *Borsa Istanbul Review*, 22, S119–S127. <https://doi.org/10.1016/j.bir.2022.11.006>
3. Chau, L., Anh, L., & Duc, V. (2025). Valuing ESG: How financial markets respond to corporate sustainability. *International Business Review*, 34(3), 102418. <https://doi.org/10.1016/j.ibusrev.2025.102418>
4. da Cunha, Í. G. F., Policarpo, R. V. S., de Oliveira, P. C. S., Abdala, E. C., & do Nascimento Rebelatto, D. A. (2025). A systematic review of ESG indicators and corporate performance: Proposal for a conceptual framework. *Future Business Journal*, 11(1), 106. <https://doi.org/10.1186/s43093-025-00539-1>
5. Đào Lê Kiều Anh, & Cao Thị Kiều Anh (2024). *Thực tiễn triển khai ESG tại các ngân hàng thương mại Việt Nam*. https://sbv.gov.vn/webcenter/portal/m/menu/trangchu/ddnhnn/nctd/nctd_chitiet?leftWidth=0%25&showFooter=false&showHeader=false&dDocName=SBV595235&rightWidth=0%25¢erWidth=100%25&_afLoop=16080591210349774#%40%3F_afLoop%3D16080591210349774%26centerWidth%3D100%2525%26dDocName%3DSBV595235%26leftWidth%3D0%2525%26rightWidth%3D0%2525%26showFooter%3Dfalse%26showHeader%3Dfalse%26_adf.ctrl-state%3D199ivv7p94_9
6. Dathe, T., Helmold, M., Dathe, R., & Dathe, I. (2024). ESG-Related Theoretical Frameworks. In T. Dathe, M. Helmold, R. Dathe, & I. Dathe (Eds), *Implementing Environmental, Social and Governance (ESG) Principles for Sustainable Businesses: A Practical Guide in Sustainability Management* (pp. 23–39). Springer International Publishing. https://doi.org/10.1007/978-3-031-52734-0_3
7. Elkington, J. (2004). Enter the Triple Bottom Line. In *The Triple Bottom Line*. Routledge.
8. Eurosif (2018). *EUROPEAN SRI STUDY 2018*. https://www.eurosif.org/wp-content/uploads/2021/10/2015-12-15_EUROSIF-CMU-Action-Plan-position.pdf
9. Evan, W. M., & Freeman, R. E. (1988). *A stakeholder theory of the modern corporation: Kantian capitalism*.
10. Freshfields Bruckhaus Deringer (2005). *A legal framework for the integration of environmental, social and governance issues into institutional investment* (p. 145). <https://www.unepfi.org/industries/investment/a-legal-framework-for-the-integration-of-environmental-social-and-governance-issues-into-institutional-investment/>
11. Ge, H., & Zhang, X. (2025). From uncertainty to sustainability: How climate policy uncertainty shapes corporate ESG? *International Review of Economics & Finance*, 98, 104011. <https://doi.org/10.1016/j.iref.2025.104011>
12. Hạ Thị Thiều Dao, Nguyễn Phạm Thuận Hằng, & Lê Chí Minh (2024). Thực tiễn báo cáo ESG của hệ thống ngân hàng Việt Nam. *Tạp chí Ngân Hàng*. <https://tapchinganhang.gov.vn/thuc-tien-bao-cao-esg-cua-he-thong-ngan-hang-viet-nam-10499.html>
13. Hill, J. (2020). Chapter 10—ESG in managing institutional investor funds. In J. Hill (Ed.), *Environmental, Social, and Governance (ESG) Investing* (pp. 185–204). Academic Press. <https://doi.org/10.1016/B978-0-12-818692-3.00010-4>
14. Kandpal, V., Jaswal, A., Santibanez Gonzalez, E. D. R., & Agarwal, N. (2024). Sustainable Energy Transition, Circular Economy, and ESG Practices. In V. Kandpal, A. Jaswal, E. D. R. Santibanez Gonzalez, & N. Agarwal (Eds), *Sustainable Energy Transition: Circular Economy and Sustainable Financing for Environmental, Social and Governance (ESG) Practices* (pp. 1–51). Springer Nature

- Switzerland. https://doi.org/10.1007/978-3-031-52943-6_1
15. Khan, M. A. (2022). ESG disclosure and Firm performance: A bibliometric and meta analysis. *Research in International Business and Finance*, 61, 101668. <https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2022.101668>
 16. Khánh Linh (2025). *Chiếm gần 98% tổng số doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa đang ở đâu trong nền kinh tế*. baodautu. <https://baodautu.vn/chiem-gan-98-tong-so-doanh-nghiep-doanh-nghiep-nho-va-vua-dang-o-dau-trong-nen-kinh-te-d249574.html>
 17. Knoepfel, I., & Gordon, H. (2009). *Future proof? : Embedding environmental, social, and governance issues in investment markets - outcomes of the Who Cares Wins Initiative 2004-2008*. World Bank Group. https://www.onvalues.ch/images/publications/09-01_WCW08_report_WEB.pdf
 18. Nguyễn Đức Anh (2025). *Khung pháp lý về ESG tại Việt Nam*. Dentonsluatviet. <https://www.dentonsluatviet.com/vi/insights/alerts/2025/june/9/legal-framework-on-esg-in-vietnam>
 19. Nguyễn Thị Phương Mai, & Nguyễn Ngọc Huyền (2023). Major determinants for Environmental – Social – Governance reporting and the feasibility of integrating in Vietnam. *Journal of SCIENCE & TECHNOLOGY*, 59(6B). <https://doi.org/10.57001/huih5804.2023.238>
 20. OECD (2022). *Policy guidance on market practices to strengthen ESG investing and finance a climate transition* [OECD Business and Finance Policy Papers]. OECD Publishing.
 21. Phan, Q.-H., Le, T.-N., Nguyen, P.-H., Thi Nguyen, L.-A., & Vu, T.-G. (2025). Toward sustainable logistics in emerging economies: Identifying ESG barriers using neutrosophic Delphi-DEMATEL model. *Journal of Open Innovation: Technology, Market, and Complexity*, 11(3), 100601. <https://doi.org/10.1016/j.joitmc.2025.100601>
 22. Phùng Thị Thủy (2022). ESG với phát triển bền vững của doanh nghiệp Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, 21. <https://tapchicongthuong.vn/esg-voi-phat-trien-ben-vung-cua-doanh-nghiep-viet-nam-99782.htm>
 23. Shuai, Y., Li, J., Jiao, J., & Chen, Z. (2025). Public attention and ESG performance of solid waste disposal companies: Empirical evidence from China. *Environment, Development and Sustainability*. <https://doi.org/10.1007/s10668-025-06551-3>
 24. Spence, M. (1973). Job Market Signaling. *The Quarterly Journal of Economics*, 87(3), 355–374.
 25. SSC, & UK PACT (2024). *Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG*. (p. 289).
 26. United Nations Global Compact (2004). *Who cares wins: Connecting financial markets to a changing world* (p. 58). United Nations Global Compact. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/280911488968799581/pdf/113237-WP-WhoCaresWins-2004.pdf>
 27. United Nations, S. F. D. of F. A. (2004). *Who Cares Wins The Global Compact Connecting Financial Markets to a Changing World*.
 28. USAID, MPI, & AED (2025). *Đánh giá báo cáo mức độ thực hành kinh doanh bền vững của doanh nghiệp Việt Nam theo khung môi trường, xã hội, quản trị (ESG) năm 2024* (p. 96). https://vietesg.org/wp-content/uploads/2024/10/4.1.3.3-IPSC_VN_Report-on-ESG-adoption-among-businesses-2024.pdf
 29. USAID, MPI, & AED (2023). *Sổ tay hướng dẫn công cụ đánh giá mức độ thực hành kinh doanh bền vững của doanh nghiệp theo khung Môi trường-Xã hội-Quản trị (ESG)* (p. 34).